

Số: 694 /CSDP - KTTV

Ngày 30 tháng 10 năm 2020

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh  
hợp nhất quý 3 năm 2020

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2020**

STT	CHỈ TIÊU	Mã	QUÝ 3 NĂM 2020	QUÝ 3 NĂM 2019	CHÊNH LỆCH	%
		số				
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	334.235.331.524	291.971.652.150	42.263.679.374	114,48
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	87.160.907	-	87.160.907	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 10 - 01 )	10	334.148.170.617	291.971.652.150	42.176.518.467	114,45
4	Giá vốn hàng bán	11	225.986.249.350	243.844.146.041	(17.857.896.691)	92,68
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20 = 10 - 11 )	20	108.161.921.267	48.127.506.109	60.034.415.158	224,74
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	13.496.817.174	16.765.352.310	(3.268.535.136)	80,50
7	Chi phí tài chính	22	3.620.733.678	6.410.506.268	(2.789.772.590)	56,48
	Trong đó : Chi phí lãi vay	23	3.553.451.162	4.468.672.364	(915.221.202)	79,52
8	Chi phí bán hàng	24	6.043.803.252	4.747.269.490	1.296.533.762	127,31
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20.930.366.099	21.941.158.483	(1.010.792.384)	95,39
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + ( 21 - 22 ) - ( 24 + 25 ) }	30	91.063.835.412	31.793.924.178	59.269.911.234	286,42
11	Thu nhập khác	31	5.271.824.830	5.668.447.300	(396.622.470)	93,00
12	Chi phí khác	32	1.833.843.114	2.827.673.588	(993.830.474)	64,85
13	Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )	40	3.437.981.716	2.840.773.712	597.208.004	121,02
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	50	94.501.817.128	34.634.697.890	59.867.119.238	272,85
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16.106.483.820	8.137.887.041	7.968.596.779	197,92
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(96.779.459)	-	(96.779.459)	
17	Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	78.492.112.767	26.496.810.849	51.995.301.918	296,23
18	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	69.809.418.885	21.443.045.044	48.366.373.841	325,56
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	8.682.693.882	5.053.765.805	3.628.928.077	171,81
20	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	1.740	534		
21	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	1.740	534		

**Giải Trình:**

Trong quý 3 năm 2019: Sản lượng tiêu thụ là: 5.514,41 tấn; Giá bán bình quân: 33.527.561 VND/tấn.

Trong quý 3 năm 2020: Sản lượng tiêu thụ là: 5.493,16 tấn; Giá bán bình quân: 31.821.479 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ quý 3 năm 2020 thấp hơn quý 3 năm 2019. Và giá bán bình quân thấp hơn quý 3 năm 2019. (giá bán bình quân quý 3 năm 2020 giảm : 1.706.082VND/tấn hay giảm: 5,09 % so với quý 3 năm 2019).

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh quý 3 năm 2020 tăng: 59.269.911.234VND hay tăng 186,42% so với quý 3 năm 2019. (chủ yếu do cây cao su thanh lý tăng )

+ Lợi nhuận khác quý 3 năm 2020 tăng : 597.208.004VND hay tăng: 21,02% so với quý 3 năm 2019.

Do đó, lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2020 tăng: 51.995.301.918VND hay tăng : 196,23% so với quý 3 năm 2019.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, N.Vu ( b)

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hỗ Cường